

Số: 2726/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn  
nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/6/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 202/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương, với tổng số tiền: 7.293.967 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn trong nước: 5.633.243 triệu đồng.

+ Vốn nước ngoài: 1.660.724 triệu đồng.

*(Chi tiết các dự án theo phụ lục I & II đính kèm)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị có tên tại các phụ lục đính kèm căn cứ danh mục dự án và mức phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương để triển khai thực hiện các thủ tục liên quan

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn các địa phương, đơn vị và tham mưu UBND tỉnh thực hiện các thủ tục liên quan theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại các Phụ lục đính kèm và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- VPCP, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, GTVT, Nông nghiệp và PTNT;
- Các PCVP và các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TH.

(E:\Dropbox\Hai TH\Nam 2021\Ke hoach trung han\QD phan bo chi tiet ke hoach von dau tu cong trung han giai doan 2021 - 2025 nguồn NSTW (TT-202).doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>12.727.641</b>	<b>9.920.253</b>	<b>5.476.353,897376</b>	<b>215.469,074136</b>	
<b>I</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>			<b>371.064</b>	<b>343.839</b>	<b>107.683,000000</b>	-	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>230.064</b>	<b>207.839</b>	<b>10.683,000000</b>	-	
1	Đường biên giới nối từ xã Chợ Chun, huyện Nam Giang đến xã Ga Ri và xã AXan, huyện Tây Giang (giai đoạn 2)	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	36-25/3/16	80.839	80.839	9.638,000000		
2	Đường từ giao thông từ trung tâm xã Trà Linh đi Măng Lùng	UBND huyện Nam Trà My	13-01/02/16	149.225	127.000	1.045,000000		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>141.000</b>	<b>136.000</b>	<b>97.000,000000</b>	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Trà Tập - Trà Cang - Trà Linh thuộc vùng ATK	UBND huyện Nam Trà My	23-19/4/21	141.000	136.000	97.000,000000		
<b>II</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>150.274</b>	<b>85.000</b>	<b>19.337,000000</b>	-	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>150.274</b>	<b>85.000</b>	<b>19.337,000000</b>	-	
1	Nâng cấp Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	1167-30/3/16	150.274	85.000	19.337,000000		
<b>III</b>	<b>VĂN HÓA, THÔNG TIN</b>			<b>461.211</b>	<b>275.000</b>	<b>105.374,000000</b>	<b>85.374,000000</b>	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>461.211</b>	<b>275.000</b>	<b>105.374,000000</b>	<b>85.374,000000</b>	
1	Tượng đài bà mẹ Việt Nam anh hùng	BQL dự án ĐTXD tỉnh	2269-14/7/11	411.211	250.000	85.374,000000	85.374,000000	
2	Nâng cấp, mở rộng nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng		109-23/5/17	50.000	25.000	20.000,000000		
<b>IV</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>			<b>11.745.092</b>	<b>9.216.414</b>	<b>5.243.959,897376</b>	<b>130.095,074136</b>	
<b>(1)</b>	<b>NÔNG, LÂM NGHIỆP; DIỆM NGHIỆP; THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			<b>2.126.164</b>	<b>1.875.979</b>	<b>622.423,000583</b>	<b>112.943,502736</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>1.819.017</b>	<b>1.605.979</b>	<b>375.843,502736</b>	<b>112.943,502736</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước An Long, xã Quế Phong	Sở NN&PTNT	3870-12/9/13	19.135	15.000	12.000,000000	12.000,000000	Thu hồi theo số giải ngân thực tế của các dự án
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hồ Cái	UBND huyện Núi Thành	01-02/01/14	22.621	15.000	11.061,836000	11.061,836000	
3	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Ma Phan	UBND huyện Phú Ninh	2384-26/7/11	50.970	15.000	8.730,238000	8.730,238000	
4	Đường cứu hộ và kè chống sạt lở sông La Ngà (đoạn qua thị trấn Phú Thịnh)		5668-20/10/11	126.746	80.000	29.558,428736	29.558,428736	
5	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo hồ chứa nước Thành Công	UBND huyện Tiên Phước	3911-13/12/14	25.124	15.000	10.000,000000	10.000,000000	
6	Mở rộng khu neo đậu tàu thuyền và kết hợp xây dựng cảng cá Hồng Triều	Sở NN&PTNT	1130-29/3/16	120.065	80.000	28.700,000000		

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
7	Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Quảng Nam đến năm 2020	Sở NN&PTNT	2887-06/9/12	635.000	635.000	39.000,000000		
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường ô tô lâm nghiệp tỉnh Quảng Nam		1133-30/3/16	84.481	80.000	44.000,000000		
9	Tăng cường năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020	Chi cục Kiểm lâm	826-07/03/16	60.948	35.000	14.200,000000		
10	Chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải	BQL dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	2380-28/8/20	39.979	39.979	16.000,000000		
11	Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào		2402-31/8/20	50.000	50.000	20.000,000000		
12	Chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại, Hội An		2624-25/9/20	300.000	300.000	70.000,000000		
13	Phát triển hạ tầng sản xuất giống sâm Ngọc Linh (Tuyến đường Tắc Pong - Tắc Ngo)	UBND huyện Nam Trà My	144-30/3/16	80.000	70.000	1.000,000000		
14	Thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã, huyện Quế Sơn	UBND huyện Quế Sơn	923-22/3/17	119.000	96.000	41.593,000000	41.593,000000	
15	Điểm ĐCĐC tập trung thôn 3, xã Trà Leng	UBND huyện Nam Trà My	2247-14/8/20	25.000	25.000	8.000,000000		
16	Điểm ĐCĐC tập trung thôn Dốc Kiền, xã Ba	UBND huyện Đông Giang	2032-29/7/20	35.000	35.000	12.000,000000		
17	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Phú Đa, xã Duy Thu	UBND huyện Duy Xuyên	2373-28/8/20	24.949	20.000	10.000,000000		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>307.147</b>	<b>270.000</b>	<b>246.579,497847</b>	<b>-</b>	
1	Khu tái định cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở các xã Quế Xuân 1, Quế Phú, Hương An	UBND huyện Quế Sơn	844-31/3/21	57.147	50.000	50.000,000000		

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
2	Ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4	UBND huyện Nam Giang	05-21/4/20	100.000	100.000	90.000,000000		
3	Hồ Suối Thò	BQL dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	20-16/3/21	150.000	120.000	106.579,497847		
(2)	<b>CÔNG NGHIỆP</b>			<b>687.515</b>	<b>584.388</b>	<b>279.155,000000</b>	-	
a	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>687.515</b>	<b>584.388</b>	<b>279.155,000000</b>	-	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2020	BQL dự án ĐTXD tỉnh	716-10/3/14	687.515	584.388	279.155,000000		
(3)	<b>GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</b>			<b>6.838.861</b>	<b>5.163.000</b>	<b>3.626.861,374293</b>	<b>17.151,571400</b>	
a	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>2.023.101</b>	<b>1.155.000</b>	<b>119.861,374293</b>	<b>17.151,571400</b>	
1	Cầu Kỳ Phú 1 và Kỳ Phú 2	BQL dự án ĐTXD tỉnh	874-20/3/12	257.505	195.000	17.151,571400	17.151,571400	
2	Cầu Giao Thủy		3425-31/10/14	823.270	500.000	45.188,408893		
3	Đường nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi		423-28/01/16	156.290	50.000	2.000,000000		
4	Đường nối từ đường cứu hộ cứu nạn đến Quốc lộ 1A (tại ngã ba cây Cốc)	Sở Giao thông Vận tải	625-22/02/16	163.868	70.000	6.000,000000		
5	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT607 (giai đoạn I); lý trình: Km14+565,62 - Km18+00		681-25/02/16	268.297	150.000	31.082,000000		
6	Đường vào trung tâm xã AXan, nối xã Ch'Om đến cửa khẩu phụ Tây Giang		495-02/02/16	185.773	110.000	3.901,856000		

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
7	Đường nội thị trung tâm huyện Nông Sơn	UBND huyện Nông Sơn	768-01/3/16	81.746	30.000	9.000,000000		
8	Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới huyện Nam Giang	UBND huyện Nam Giang	763-01/3/16	86.352	50.000	5.537,538000		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>4.815.760</b>	<b>4.008.000</b>	<b>3.507.000,000000</b>	-	
1	Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công)	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	22-19/4/21	2.056.760	1.558.000	1.558.000,000000		
2	Đường trục chính Tam Hòa nối từ Quốc lộ 1 đến đường 129 (Võ Chí Công) và ĐT613B		23-19/4/21	646.000	646.000	581.000,000000		
3	Đường nối ĐT609C đến Quốc lộ 14B		23-19/4/21	550.000	500.000	500.000,000000		
4	Cầu Văn Ly và đường dẫn		23-19/4/21	525.000	420.000	362.000,000000		
5	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	UBND thị xã Điện Bàn	23-19/4/21	498.000	398.000	170.000,000000		
6	Cầu Bình Sa đi Bình Hải (Cầu Tây Giang)	UBND huyện Thăng Bình	20-16/3/21	265.000	238.500	165.000,000000		
7	Cầu Tân Bình và đường tránh Quốc lộ 14E qua nội thị trấn Tân Bình	UBND huyện Hiệp Đức	20-16/3/21	275.000	247.500	171.000,000000		
<b>(4)</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>			<b>1.453.939</b>	<b>1.054.580</b>	<b>333.425,000000</b>	-	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>1.113.955</b>	<b>904.580</b>	<b>183.425,000000</b>	-	
1	Đường trục chính; TĐC khu công nghiệp Tam Quang	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	152-29/10/14	684.475	547.580	18.834,000000		

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu/ Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
2	Nạo vét luồng vào cảng Kỳ Hà (giai đoạn 2)	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	205-23/8/16	199.480	150.000	78.454,516000		
3	Đường trục chính vào khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng		244-27/10/17	230.000	207.000	86.136,484000		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>339.984</b>	<b>150.000</b>	<b>150.000,000000</b>	-	
1	Đường giao thông kết nối các tiểu vùng sản xuất nguyên liệu nông - lâm nghiệp với các khu, cụm công nghiệp Quế Sơn	UBND huyện Quế Sơn	865-31/3/21	339.984	150.000	150.000,000000		
<b>(5)</b>	<b>DU LỊCH</b>			<b>319.467</b>	<b>290.467</b>	<b>146.500,000000</b>	-	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>119.467</b>	<b>110.467</b>	<b>6.500,000000</b>	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm du lịch phố cổ Hội An (tuyến ĐT608 đoạn từ Km4+714 - Km8+214)	Sở Giao thông Vận tải	809-03/3/16	119.467	110.467	6.500,000000		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>200.000</b>	<b>180.000</b>	<b>140.000,000000</b>	-	
1	Phòng cháy chữa cháy khu phố cổ Hội An	UBND thành phố Hội An	20-16/3/21	200.000	180.000	140.000,000000		
<b>(6)</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			<b>319.145</b>	<b>248.000</b>	<b>235.595,522500</b>	-	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>70.145</b>	<b>24.000</b>	<b>11.595,522500</b>	-	
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2985-19/8/19	70.145	24.000	11.595,522500		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>249.000</b>	<b>224.000</b>	<b>224.000,000000</b>	-	
1	Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số	Sở Thông tin và Truyền thông	20-16/3/21	249.000	224.000	224.000,000000		



Phụ lục II

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC, VỐN ODA, VAY ƯU ĐÃI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư									Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư										Tổng số	Trong đó			
				Tổng số	Trong đó:						Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Vốn đối ứng ngân sách trung ương		Vốn nước ngoài	
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số		Trong đó:	Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
					Tổng số	NSTW	NS tỉnh	Tổng số	NSTW	Vay lại								
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>6.479.808</b>	<b>1.523.255</b>	<b>292.638</b>	<b>1.230.617</b>	<b>-</b>	<b>4.956.553</b>	<b>3.619.398</b>	<b>1.337.155</b>	<b>1.817.613,102624</b>	<b>156.889,102624</b>	<b>36.888,102624</b>	<b>1.660.724</b>			
<b>I</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>			<b>6.338.808</b>	<b>1.502.255</b>	<b>292.638</b>	<b>1.209.617</b>	<b>-</b>	<b>4.836.553</b>	<b>3.499.398</b>	<b>1.337.155</b>	<b>1.742.980,102624</b>	<b>156.889,102624</b>	<b>36.888,102624</b>	<b>1.586.091</b>			
<b>I.1</b>	<b>GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</b>			<b>1.851.287</b>	<b>387.661</b>		<b>387.661</b>		<b>1.463.626</b>	<b>764.074</b>	<b>699.552</b>	<b>701.372,000000</b>	<b>110.995,000000</b>	<b>-</b>	<b>590.377</b>			
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			1.851.287	387.661		387.661		1.463.626	764.074	699.552	701.372,000000	110.995,000000	-	590.377			
a	Dự án nhóm B			1.851.287	387.661	-	387.661		1.463.626	764.074	699.552	701.372,000000	110.995,000000	-	590.377			
1	Quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) Hợp phần nâng cấp cải tạo và bảo trì đường địa phương	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	622-02/03/16	232.150	27.150		27.150	9,1 triệu USD	205.000	143.500	61.500	16.632,000000			16.632			
2	Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam		546-06/02/18	695.994	129.095		129.095	25,474 triệu USD	566.899	396.829	170.070	460.995,000000	110.995,000000		350.000			
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)		328-29/1/21	923.143	231.416		231.416		691.727	223.745	467.982	223.745,000000			223.745			
<b>I.2</b>	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>			<b>2.898.154</b>	<b>938.812</b>	<b>279.532</b>	<b>659.280</b>	<b>-</b>	<b>1.959.342</b>	<b>1.890.227</b>	<b>69.115</b>	<b>540.458,102624</b>	<b>36.888,102624</b>	<b>36.888,102624</b>	<b>503.570</b>			
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			2.898.154	938.812	279.532	659.280	-	1.959.342	1.890.227	69.115	540.458,102624	36.888,102624	36.888,102624	503.570			
a	Dự án nhóm B			2.898.154	938.812	279.532	659.280	-	1.959.342	1.890.227	69.115	540.458,102624	36.888,102624	36.888,102624	503.570			

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025							
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư										Tổng số	Trong đó		Vốn nước ngoài	
				Tổng số	Trong đó:						Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Vốn đối ứng ngân sách trung ương			
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		
					Tổng số	Trong đó		NSTW	NS tỉnh	Tinh bằng nguyên tệ			Tổng số					Trong đó:
NSTW	NS tỉnh	NSTW	Vay lại															
1	Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường khu đô thị Núi Thành	BQL dự án ĐTXD tỉnh	1004-18/3/16; 1141-02/4/18	307.633	79.312		79.312	9,5 triệu Euro	228.321	228.321		150.000,000000			150.000			
2	Phát triển thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk - Tiểu dự án thành phố Tam Kỳ		2917-19/8/15; 1230-14/4/17	1.108.682	440.474	232.979	207.495	31,7 triệu USD	668.208	668.208		17.000,000000	17.000,000000	17.000,000000				
3	Thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thành phố Tam Kỳ		3230-29/10/18	526.839	155.176	46.553	108.623		371.663	371.663		19.888,102624	19.888,102624	19.888,102624				
4	Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai - Núi Thành	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	187-09/8/17	955.000	263.850		263.850	25 triệu Euro	691.150	622.035	69.115	353.570,000000			353.570			
<b>I.3</b>	<b>NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP; THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			<b>1.482.220</b>	<b>149.570</b>		<b>149.570</b>	-	<b>1.332.650</b>	<b>764.163</b>	<b>568.488</b>	<b>420.000,000000</b>	-	-	<b>420.000</b>			
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			<b>1.482.220</b>	<b>149.570</b>		<b>149.570</b>	-	<b>1.332.650</b>	<b>764.163</b>	<b>568.488</b>	<b>420.000,000000</b>	-	-	<b>420.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>			<b>1.482.220</b>	<b>149.570</b>		<b>149.570</b>	-	<b>1.332.650</b>	<b>764.163</b>	<b>568.488</b>	<b>420.000,000000</b>	-	-	<b>420.000</b>			
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT An	3151-22/10/18	299.520	15.570		15.570		283.950	212.963	70.988	78.806,000000			78.806			
2	Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An		1028-15/8/19	1.182.700	134.000		134.000		1.048.700	551.200	497.500	341.194,000000			341.194			
<b>I.4</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>107.146</b>	<b>26.211</b>	<b>13.106</b>	<b>13.106</b>	-	<b>80.935</b>	<b>80.935</b>	-	<b>81.150,000000</b>	<b>9.006,000000</b>	-	<b>72.144</b>			
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			<b>107.146</b>	<b>26.211</b>	<b>13.106</b>	<b>13.106</b>	-	<b>80.935</b>	<b>80.935</b>	-	<b>81.150,000000</b>	<b>9.006,000000</b>	-	<b>72.144</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>			<b>107.146</b>	<b>26.211</b>	<b>13.106</b>	<b>13.106</b>	-	<b>80.935</b>	<b>80.935</b>	-	<b>81.150,000000</b>	<b>9.006,000000</b>	-	<b>72.144</b>			
1	Nâng cao năng lực ngành y tế tỉnh Quảng Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1853-13/7/20	107.146	26.211	13.106	13.106	3,057 triệu Euro	80.935	80.935		81.150,000000	9.006,000000		72.144			

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư										Tổng số	Trong đó		Vốn nước ngoài
				Tổng số	Trong đó:				Tính bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng ngân sách trung ương				
					Vốn đối ứng		Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
					NSTW	NS tỉnh	Tổng số	NSTW			Vay lại						
II	VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC			141.000	21.000	-	21.000		120.000	120.000	-	74.633,000000	-	-	74.633		
II.1	CÔNG NGHIỆP			141.000	21.000		21.000		120.000	120.000	-	74.633,000000	-	-	74.633		
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			141.000	21.000		21.000		120.000	120.000	-	74.633,000000	-	-	74.633		
a	Dự án nhóm B			141.000	21.000		21.000		120.000	120.000	-	74.633,000000	-	-	74.633		
1	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ)	BQL dự án ĐTXD tỉnh	1423-15/5/19; 1256-26/4/19	141.000	21.000		21.000		120.000	120.000		74.633,000000	-		74.633		